TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **171**/2019/HC-PT
Ngày: 04-10-2019
V/v: *"Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Phước Thanh**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Trường**

Ông **Phạm Tồn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Đức**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Tấn Ánh**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 04 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 149/2019/TLPT-HC ngày 21 tháng 5 năm 2019 về: *"Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".*

Do bản án hành chính sơ thẩm số 05/2019/HC-ST ngày 01/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 625/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông **Nguyễn Trọng H**, sinh năm 1970 và bà **Lã Thu H1**, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm 3, thôn E, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Trọng H: Bà **Lã Thu H1** (*Theo văn bản ủy quyền ngày 10/6/2019*) - Có mặt.

2. Người bị kiện: **Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk**; trụ sở: Thôn N, xã C1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Vũ Văn M** - Chức vụ: Chủ tịch huyện K;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Y** - Chức vụ: Phó chủ tịch huyện K

(Theo văn bản ủy quyền số 14/ UQ-UBND ngày 01/10/2019) - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Vương Văn T**, sinh năm 1976, bà **Lê Thị C**, sinh năm 1978; trú tại: Thôn E, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

- **Ngân hàng TMCP V- Phòng giao dịch Thị xã B**; Trụ sở: 149 đường Tr, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk- Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện - Ông **Nguyễn Trọng H** và bà **Lã Thu H1.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Nguyễn Trọng H và bà Lã Thu H1 trình bày:

Năm 1993, anh Lê Quang Th mở con đường này để làm lối đi xuống rẫy nhà anh Th. Năm 1996 anh Th chuyển nhượng lại đất cho ông Nguyễn Văn U và bà Phạm Thị Thái B1. Sau đó, đến năm 2007 ông U, bà B1 chuyển nhượng lại cho vợ chồng tôi. Con đường trên là lối đi chung của các hộ gia đình đã có từ năm 1993 do ông Lê Quang Th là người khai hoang đất và mở con đường nhưng quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T, chị C các cơ quan có thẩm quyền đã không trừ lại con đường mà cấp giấy chứng nhận cho anh T, chị C. Vào ngày 12/02/2017, khi ông T cho máy múc vào múc con đường để trồng tiêu và không cho gia đình tôi đi qua. Ngày 14/02/2017, vợ chồng chúng tôi có làm đơn kiến nghị gửi ra UBND xã E1, huyện K để giải quyết. Bên UBND xã có lập biên hòa giải cho các bên nhưng không hòa giải được nên chúng tôi chuyển lên UBND huyện K để giải quyết nhưng không hòa giải được. Ngày 19/05/2017, chúng tôi gửi đơn khởi kiện về việc *"Tranh chấp lối đi chung"* lên Tòa án nhân dân huyện K để giải quyết; đến ngày 25/8/2017 sau khi đi Tòa án nhân dân huyện K tiến hành đi xem xét thẩm định tại chỗ thì ông H, bà H1 mới biết UBND huyện K cấp cả diện tích con đường đi vào trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T, bà C. Sau đó, vụ án được chuyển thẩm quyền lên giải quyết tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo thụ lý số 33/2017/DSST ngày 18/10/2017. Đến ngày 26/4/2018 chúng tôi rút đơn khởi kiện vụ án dân sự để chuyển sang vụ kiện hành chính. Nay tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 466495 đối với thửa đất số 19, tờ bản đồ số 28, diện tích 6.085m^2 ngày 21/12/2010 của Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp cho hộ ông Vương Văn T, bà Lê Thị C.

Người bị kiện UBND huyện K trình bày:

Ủy ban nhân dân huyện K đã căn cứ vào: Giấy xác nhận cho đất ngày 01/4/2003 của bà Đinh Thị D và ông Lê Văn L; Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị C đề ngày 11/8/2009; Biên bản mô tả ranh giới

thửa đất ngày 11/8/2009 của bà Lê Thị C; Thông báo nộp lệ phí nhà đất số 36tb/2010/TB-CCT ngày 09/9/2010 của Chi cục thuế huyện K; Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính ngày 26/8/2010 của Văn phòng đăng ký đất đai; Tờ trình số 540/TTr-TNMT ngày 16/12/2010 của phòng Tài nguyên và môi trường huyện K về việc cấp GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất cho 06 hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại xã E1; Danh sách 06 hộ gia đình đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 4354/QĐ-UBND ngày 20/12/2010 của UBND huyện K về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 06 hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại xã E1 để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà C và khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T, bà C tại bản đồ giải thửa địa chính số 28 thể hiện không có con đường đi. Do đó, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Vương Văn T, bà Lê Thị C là đúng trình tự, thủ tục theo quy định, đề nghị TAND tỉnh Đắk Lắk giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Vương Văn T trình bày: Vào năm 1996 anh nhận chuyển nhượng mảnh đất của gia đình anh N1 và chị G từ mảnh đất khai hoang, anh trồng cà phê từ đó đến nay. Đến năm 1998 cháu anh là Vương Văn L1 có nhận chuyển nhượng mảnh đất bên dưới rẫy anh; anh P bên cạnh rẫy sợ hư hỏng cà phê nên không cho anh L1 đi con đường nhỏ giáp ranh giữa rẫy của anh và rẫy ông P, nên anh L1 có nói anh chặt một hàng cà phía bên kia để cho anh L1 đi nhờ và anh đồng ý. Đến năm 2007, gia đình anh H, chị H1 nhận chuyển nhượng mảnh rẫy đó và anh vẫn để cho đi nhờ. Đến năm 2017, anh có nhu cầu cải tạo rẫy, muốn múc phá con đường đó nhưng gia đình anh H chị H1 không cho, nói là con đường chung và làm đơn khởi kiện ra Tòa và việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận của gia đình anh là không có căn cứ và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H, bà H1, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Năm 2017, anh có thế chấp giấy chứng nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 466495 ngày 21/12/2010 do UBND huyện K cấp cho vợ chồng anh đối với thửa đất số 19, tờ bản đồ số 28, diện tích 6.085m^2, tại xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để vay số tiền 600.000.000 đồng tại ngân hàng V Phòng giao dịch Thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

- Chị Lê Thị C trình bày: Chị đồng ý với lời trình bày của chồng chị là anh Vương Văn T và không bổ sung gì thêm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2019/HC-ST ngày 01/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3; Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193;Điều 206, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 359 Luật Tố tụng hành chính 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 47, Điều 52 Luật đất đai năm 2003; Điều 40, Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai (được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất).

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng H, bà Lã Thu H1 đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 466495 đối với thửa đất số 19, tờ bản đồ số 28, diện tích 6.085m^2 ngày 21/12/2010 của Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp cho hộ ông Vương Văn T, bà Lê Thị C.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Người khởi kiện ông Nguyễn Trọng H, bà Lã Thu H1 kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2019/HC-ST ngày 01/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Trọng H, bà Lã Thu H1 không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo và hủy bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của những người tham gia tố tụng, người bảo vệ quyền lợi, ý kiến của Kiểm sát viên và sau khi nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Theo lời khai của người khởi kiện là ông Nguyễn Trọng H và bà Lã Thu H1 cho rằng con đường đang tranh chấp có nguồn gốc là của anh Lê Quang Th khai hoang, mở làm lối đi xuống rẫy nhà anh Th vào năm 1993, đến năm 1996 anh Th chuyển nhượng lại đất cho ông Nguyễn Văn U, bà Phạm Thị Thái B1 và đến năm 2007 ông U, bà B1 chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông Nguyễn Trọng H và bà Lã Thu H1. Anh Th, ông U, bà B1 và ông H, bà H1 sử dụng liên tục từ năm 1993 đến năm 2017 nhưng quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã không trừ phần diện tích con đường này mà cấp luôn vào giấy chứng nhận cho anh T, chị C tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 466495 đối với thửa đất số 19, tờ bản đồ số 28, diện tích 6.085m^2 vào ngày 21/12/2010.

[1.1]. Để chứng minh cho lời khai trên, ông H, bà H1 cung cấp các lời khai xác nhận của ông Nguyễn Trọng H2, bà Hoàng Thị Minh G, ông Nguyễn Trọng H3, ông Nguyễn Đình T2 khai tại thời điểm họ sử dụng đất đã có con

đường tranh chấp này và anh Lê Quang Th khai con đường đang tranh chấp do ông khai hoang, mở làm lối đi xuống rẩy hiện nay ông ông H, bà H1 sử dụng. Tuy nhiên, ông H và bà H1 là người sử dụng đất được người khác chuyển nhượng vào năm 2007 là sau thời điểm anh T, chị C sử dụng đất 11 năm nên không thể biết được nguồn gốc con đường đang tranh chấp nên việc khởi kiện của H và bà H1 chỉ dựa trên cơ sở lời khai của các nhân chứng nêu trên; ngoài lời khai và xác nhận của các nhân chứng nêu trên thì ông H, bà H1 không có chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện. Xét việc chuyển nhượng đất giữa anh Th với ông U, bà B1 và giữa ông U, bà B1 với ông H, bà H1 không có giấy tờ và việc ông Th cho rằng con đường tranh chấp do ông khai hoang cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh; ông Nguyễn Trọng H2 là anh ruột của ông H và các lời khai của ông T2 và các nhân chứng khác không thể hiện con đường này là của ai nên chưa đủ căn cứ để xác định con đường đang tranh chấp là lối đi chung như yêu cầu khởi kiện.

[1.2]. Lời khai của anh Vương Văn T và chị bà Lê Thị C cho rằng con đường đang tranh chấp nằm trong diện tích đất trồng cà phê anh T, chị C nhận chuyển nhượng của ông Đỗ Văn N1 và bà Hoàng Minh G; đến năm 1998 cháu của anh chị là Vương Văn L1 và Vương Thị T1 nhận chuyển nhượng diện tích đất rẫy phía dưới và do ông P là người có rẫy liền kề phía Bắc không cho ông L1 sử dụng lối đi vào rẫy ông L1 nên anh T, chị C phải phá một hàng cà phê ***phía Tây rẫy*** giáp ranh với diện tích đất ông ông Nguyễn Đình T2 để làm lối đi vào rẫy anh L1 như hiện nay; sau đó anh L1 chuyển nhượng đất lại cho vợ chồng ông H, bà H1 thì anh T, chị C vẫn để cho ông H, bà H1 đi nhờ trên lối đi này. Lời khai anh T, chị C phù hợp với lời khai của vợ chồng anh L1, chị Tình: *"Vì đường đi xuống rẫy không có nên tôi có nhờ anh T và anh P đường đi xuống, đến năm 1998 anh P không cho tôi đi xuống vì sợ ảnh hưởng đến cà phê nên tôi bảo anh T chặt cho tôi một hàng ca phê* ***phía bên Tây*** *giáp ông T2 để lấy đường đi xuống..."*; phù hợp với khai của ông Nguyễn Trọng H về việc vợ chồng anh L1, chị Tình sử dụng diện tích đất của ông H, bà H1 trước khi ông H, bà H1 nhận chuyển nhượng và việc anh T sử dụng, thay đổi con con đường đang tranh chấp này tại Biên bản Hòa giải tại UBND xã E1 ngày 09/5/2017: "*…ông T mở con đường phía Đông đi một thời gian hai bên xích mích với nhau thì ông L1 lại mở con đường phía Tây cho đến nay*", việc anh T thay đổi con đường đang tranh chấp không có ai khiếu nại hoặc ý kiến đã cho thấy diện tích đất con đường đang tranh chấp là của anh T, chị C; phù hợp với việc ông Nguyễn Trọng H ký xác nhận vào "*Biên bản mô tả ranh giới thửa đất của hộ gia đình bà Lê Thị C trú tại thôn 1, xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk"* do UBND xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk lập ngày 11/8/2009 (*kết luận giám định số 138/PC09 ngày 10/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đắk Lắk*) và phù hợp với tờ bản đồ số 28 xã E1 - can vẽ vào tháng 3/2004, không thể hiện con đường đi ở phía Tây diện tích đất anh T, chị C và số liệu diện tích đất của thửa đất số 19, tờ bản đồ số 28 được xác định tại tờ bản đồ số 28 xã E1 là 6.085m^2 đúng với diện tích đất mà anh T,

chị C đăng ký, kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2010. Vì vậy, lời khai của anh T và chị C là có cơ sở.

Mặt khác, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Vương Văn T và chị bà Lê Thị C đã được Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã E1 xét duyệt; được niêm yết công khai không có ý kiến khiếu nại. Hơn nữa, sau khi được cấp giấy chứng nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 466495 ngày 21/12/2010 thì anh T, chị C đã thế chấp giấy chứng nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay số tiền 600.000.000 đồng tại Ngân hàng V Phòng giao dịch Thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, Cho nên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 466495 ngày 21/12/2010 của ông Nguyễn Trọng H và bà Lã Thu H1 là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Từ nhưng phân tích, nhận định trên, Hội đông xét xử xét thây không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của ông H và bà H1.

[3]. Do yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Trọng H và bà Lã Thu H1 không được chấp nhận nên ông H, bà H1 cùng phải chịu án phí phúc thẩm.

[4]. Các phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng, về án phí sơ thẩm không có kháng cáo và kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Trọng H, bà Lã Thu H1 và giữ y bản án hành chính sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3; Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 206, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 359 Luật Tố tụng hành chính 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 47, Điều 52 Luật đất đai năm 2003; Điều 40, Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng H, bà Lã Thu H1 đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 466495 đối với thửa đất số 19, tờ bản đồ số 28, diện tích 6.085m^2 ngày 21/12/2010 của Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp cho hộ ông Vương Văn T và bà Lê Thị C.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Áp dụng nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Ông Nguyễn Trọng H, bà Lã Thu H1 phải chịu án phí hành chính phúc

thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm mà ông H và bà H1 đã nộp tại biên lai thu số 014531 ngày 23/4/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Hoàn trả cho bà Lã Thu H1 số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm mà ông H và bà H1 đã nộp tại biên lai thu số 014530 ngày 23/4/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra III - TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, LT, P.HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Phước Thanh